

## XVIII-BA VÔ TÁNH

Nếu có ba tánh, tại sao đức Thế Tôn nói: Hết thấy pháp đều không tự tánh?  
Tụng rằng:

*Chính nương ba tánh này, Lập ba không  
tánh kia.*

*Nên Phật “mật ý” nói:*

*Hết thấy pháp không tánh” Trước là tướng  
không tánh, Kế, không tự nhiên tánh.*

*Sau, do lìa tánh trước, Là tánh chấp ngã  
pháp.*

*Đây thẳng nghĩa các pháp, Cũng tức là chơn  
như.*

*Vì thường như tánh nó, Tức thực tánh Duy  
thức.*

**Luận rằng:** Chính nương nơi ba tánh trước đây mà lập ra ba không tánh sau này, đó là Tướng không tánh, Sanh không tánh, Thắng nghĩa không tánh. Cho nên Phật “mật ý” nói “hết thấy pháp đều không có tự tánh”, chứ chẳng phải nói “tánh” hoàn toàn không có.

Trong bài Tụng nói “mật ý” là biểu thị lời nói ấy chẳng phải với nghĩa rốt ráo. Nghĩa là hai tánh Y tha và Viên thành sau tuy có thể

chẳng phải không, nhưng có kẻ ngu đối với hai tánh đó vọng chấp thêm trên nó tánh ngã và tánh pháp thật có. Chính sự vọng chấp ấy gọi là Biến kế sở chấp.

Vì để trừ cái vọng chấp ấy mà đức Thế Tôn đối với cái “có” của Y tha và Viên thành, và cái “không” của Biến kế, Ngài nói chung là “không tánh”.

- Thế nào là nương ba tánh này mà lập ra ba không tánh kia?

- Đó là nương tánh Biến kế sở chấp đầu mà lập ra “Tướng không tánh”; vì do thể tướng của nó hoàn toàn chẳng có, giống như hoa đốm giữa hư không.

Nương tánh Y tha thứ hai mà lập ra “Sanh không tánh”. Vì Y tha khởi là nương các duyên mà sanh ra, giống như sự huyễn, không phải như vọng tình chấp có tánh tự nhiên, nên giả sanh nói “Sanh không tánh”, chứ chẳng phải nói tánh Y tha hoàn toàn không.

Nương nơi tánh Viên thành sau hết mà lập ra “Thắng nghĩa không tánh”. Nghĩa là chính thẳng nghĩa đó vì do xa lìa tánh Biến kế sở chấp về ngã pháp trước đó mà giả nói là “Thắng nghĩa không tánh”, chứ không phải “tánh thẳng nghĩa” hoàn toàn không. Ví như thái hư không, tuy biến khắp các sắc, nhưng lại được hiển bày bởi các sắc không tánh.

Tuy Y tha khởi chẳng phải là thẳng nghĩa, cũng được gọi là Thắng nghĩa không tánh, song vì sợ lạm đồng với tánh Y tha thứ hai cho nên ở đây không nói (không nói Y tha là thẳng nghĩa không tánh mà chỉ nói nương Y tha lập “Sanh không tánh”).

Tánh Viên thành thật này chính là nghĩa thù thắng của các pháp, là thẳng nghĩa đế của hết thấy pháp.

Nhưng thẳng nghĩa đế lược có bốn thứ:

1. Thế gian thẳng nghĩa, đó là năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới v.v...
2. Đạo lý thẳng nghĩa, đó là bốn Diệu đế.
3. Chứng đắc thẳng nghĩa, đó là chơn như được hiển lộ hai không.
4. Thắng nghĩa thẳng nghĩa, đó là pháp giới nhất chơn.

Chữ “Thắng” nghĩa được nói ở trong bài tụng là chỉ cho Thắng nghĩa thứ tư, vì

đây là nghĩa lý của đạo phẩm tối thắng tu chứng, và để giản biệt khác với ba Thắng nghĩa đầu nên tụng nói lời đó.

Thắng nghĩa này của các pháp cũng chính là chơn như. Chơn là chơn thật, biểu thị chẳng phải hư dối, như là như thường, biểu thị không biến dịch. Nghĩa là tánh chơn thật nơi tất cả ngôi vị đều thường như tánh

nó (tùy duyên bất biến) cho nên gọi là chơn như. Chính là nghĩa lạng không hư vọng.

Trong bài tụng nói chữ “cũng”, là để hiển thị thắng nghĩa, còn có nhiều tên như Pháp giới, Thật tế v.v... như trong các bộ luận tùy theo nghĩa giải rộng.

Thắng nghĩa này chính là thực tánh Duy thức. Tánh Duy thức lược có hai thứ:

- Một là tánh hư vọng, tức tánh Biến kế sở chấp.

- Hai là tánh chơn thật, tức là tánh Viên thành thật. Vì để giản biệt khác với hư vọng cho nên nói Thật tánh.

Lại có hai tánh:

1. Thế tục, tức là Y tha khởi.

2. Thắng nghĩa, tức Viên thành thật. Vì để giản biệt khác với thế tục, cho nên nói Thật tánh.

Ba bài tụng trên chung lại hiển thị rằng, trong các Khế kinh nói chữ “vô tánh” chẳng phải là nói với nghĩa thật rốt ráo. Những người có trí không nên dựa theo đó bác luận rằng hết thảy pháp đều không tự tánh.